TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/11/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Tấn.
2. Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 9, Ngõ 165, đường S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H kết hôn với chị N ngày 13/11/2014 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được hai năm thi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi nhau, khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải và dàn xếp nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã mang con bỏ về nhà đi từ tháng 6/2017 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H đề nghị được ly hôn chị N.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 11/8/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/12/2017 nay đang ở với chị N. Sau khi ly hôn anh H tự nguyện để chị N được nuôi hai con của vợ chồng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác: anh H xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo, niêm yết về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho chị N và nhiều lần triệu tập đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng chị N không đến và vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị N.

Con chung: Giao cho chị Lê Thị N nuôi 02 con chung của vợ chồng là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 11/8/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/12/2017.

Anh Nguyễn Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 9, Ngõ 165, đường S, thị trấn N, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Chị Lê Thị N đã được Tòa án niêm yết đầy đủ, triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị Lê Thị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228- BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2014 tại UBND thị trấn N, huyện V , tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H thấy: Sau khi kết hôn anh H và chị N chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh H trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau, khi mâu thuẫn gia đình đã dàn xếp nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Chị N đã bỏ nhà và mang hai con đi từ 06/2018 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin được ly hôn chị N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập và niêm yết nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị N quê ở tại xóm 9, xã Q, huyện Q, tỉnh N, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện Q, tỉnh N. Kết quả ủy thác: Chị Lê Thị N là con đẻ của bà Trần Thị T và ông Lê Đình L chị N kết hôn với anh H ở thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, trong thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn nên chị N về nhà bố mẹ đẻ cho đến tháng 4/2019 thì đi miền Nam làm ăn hiện nay địa chỉ của chị N ở đâu gia đình không biết. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để cho các đương sự về đoàn tụ được. Nay thời gian vợ chồng chấm dứt quan hệ đã lâu, anh H không có nguyện vọng đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy cần xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị N là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 11/8/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/12/2017 nay đang ở với chị N. Hiện tại anh H cũng không biết chị N và hai con đang ở đâu và cũng không có địa chỉ của chị N, tại phiên tòa anh H đề nghị HĐXX giao con cho chị N nuôi dưỡng, khi nào anh H tìm được địa chỉ của chị N anh H sẽ yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung sau. Xét yêu cầu của anh H về việc để chị N nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy giao cho chị N nuôi cả hai con của vợ chồng là phù hợp pháp luật. Do chưa lấy được lời khai của chị N nên không có căn cứ buộc anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị N, khi nào chị N có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị N.

-Con chung: Giao cho chị Lê Thị N được nuôi 02 con chung của vợ chồng là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 11/8/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27/12/2017. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị N.

Anh Nguyễn Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

-Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05429 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-CCTHADS huyện Việt Yên;
-UBND TT. N
-Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp